

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") (mã CK: HAG) giải trình biến động kết quả hoạt động kinh doanh và ý kiến nhấn mạnh của kiểm toán viên trên Báo cáo tài chính ("BCTC") Hợp nhất bán niên năm 2022 đã được soát xét như sau:

I. Giải trình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính Hợp nhất bán niên năm 2022 và Báo cáo tài chính Hợp nhất bán niên năm 2021 đã được soát xét:

ĐVT: Ngân VND

Khoản mục	BCTC hợp nhất bán niên năm 2022 (Đã soát xét)	BCTC hợp nhất bán niên năm 2021 (Đã soát xét)	Biến động
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	522.841.731	8.310.250	514.531.481

Nguyên nhân biến động chủ yếu như sau:

- Lợi nhuận gộp tăng 357.176.248 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu do doanh thu bán trái cây và hàng hóa trong 6 tháng đầu năm 2022 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021. Bên cạnh đó, hoạt động bán heo cũng mang lại nhiều lợi nhuận cho Tập đoàn.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 188.363.467 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu là lãi từ việc thanh lý các khoản đầu tư giảm so với cùng kỳ năm 2021.
- Chi phí tài chính tăng 675.547.758 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu là do trong 6 tháng đầu năm 2022 Tập đoàn đã trích dự phòng các khoản đầu tư vào Nhóm Công ty HNG. Bên cạnh đó, lỗ chênh lệch tỷ giá cũng tăng cao so với cùng kỳ năm ngoái.
- Chi phí bán hàng tăng 94.409.095 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu do hoạt động mua bán trái cây và heo trong kỳ tăng cao dẫn đến chi phí bán hàng tăng theo.
- Chi phí quản lý giảm 1.098.297.183 ngàn VND, nguyên nhân biến động chủ yếu là do trong 6 tháng đầu năm 2022 Tập đoàn đã tăng hoàn nhập dự phòng liên quan đến các khoản công nợ phải thu.

II. Giải trình ý kiến nhấn mạnh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2022 đã được soát xét:

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2022 đã được soát xét, kiểm toán viên có nhấn mạnh đến khoản lỗ lũy kế của Tập đoàn là 3.938.468.018 ngàn VND. Điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2022 đã được soát xét, Tập đoàn đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác, dòng tiền từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ, tiền đi vay các ngân hàng thương mại và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Tập đoàn cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay và trái phiếu có liên quan. Theo đó, Tập đoàn có thể hoàn trả các

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Trụ sở Chính: 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Tel: (+84) 0269 2225 888 Fax: (+84) 0269 2222 335 Email: info@hagl.com.vn

khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2022 trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Bên cạnh đó, Tập đoàn đang tiến hành nuôi thí điểm 100.000 con gà trên diện tích 2 ha tại Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam và dự kiến đưa sản phẩm ra thị trường vào tháng 11/2022. Ban lãnh đạo Tập đoàn cũng đặt mục tiêu trong năm 2023 sẽ sản xuất ra được một triệu con heo mang thương hiệu Heo ăn chuối Bapi, đồng thời Tập đoàn cũng đang tích cực tìm đối tác để mở rộng sản xuất và tiến tới mở rộng các sản phẩm chế biến từ heo. Trong tương lai, doanh thu từ các sản phẩm chuối, heo và gà sẽ mang lại dòng tiền lớn để Tập đoàn trả nợ và mở rộng kinh doanh.

Trên đây là giải trình của Công ty về Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2022 đã được soát xét.

Trân trọng kính chào.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI
TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯỜNG SƠN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 83

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, ba (3) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn; trồng và kinh doanh trái cây và các loại cây trồng khác; chăn nuôi và kinh doanh heo, bò; sản xuất và mua bán cây giống; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên độc lập
Ông Trần Văn Dai	Thành viên độc lập
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên độc lập

bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2022
miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng Ban
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 60752790/22989183-HN/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập vào ngày 26 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 83 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, khoản lỗ lũy kế của Tập Đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 3.938.468.018 ngàn VND. Điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.054.798.117	7.051.853.577
110	I. Tiền	5	117.689.314	78.298.037
111	1. Tiền		117.689.314	78.298.037
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.053.387.394	6.535.652.693
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	871.119.728	553.790.175
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	253.562.816	147.090.473
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	5.545.275.169	6.516.258.180
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	939.484.209	785.572.698
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8, 9	(556.054.528)	(1.467.058.833)
140	III. Hàng tồn kho	10	838.779.612	410.031.564
141	1. Hàng tồn kho		842.483.017	413.734.969
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.703.405)	(3.703.405)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		44.941.797	27.871.283
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	13.184.973	7.124.641
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	28.607.236	17.611.524
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	3.149.588	3.135.118
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		11.214.373.413	11.387.831.414
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.937.494.604	2.958.712.989
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	1.393.739.559	2.452.838.426
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	568.043.275	649.545.621
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8, 9	(24.288.230)	(143.671.058)
220	II. Tài sản cố định		3.541.101.876	2.809.669.569
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	3.279.258.823	2.686.778.608
222	Nguyên giá		4.203.394.899	3.518.323.463
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(924.136.076)	(831.544.855)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	261.843.053	122.890.961
228	Nguyên giá		289.443.839	145.540.126
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(27.600.786)	(22.649.165)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	61.290.868	62.606.294
231	1. Nguyên giá		74.075.831	74.075.831
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(12.784.963)	(11.469.537)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.730.457.459	3.495.149.075
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	4.730.457.459	3.495.149.075
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	16	529.624.995	1.778.826.680
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết		-	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		1.049.961.081	1.781.156.721
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(520.336.086)	(2.330.041)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		414.403.611	282.866.807
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	399.932.060	271.900.161
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.2	14.471.551	10.966.646
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		19.269.171.530	18.439.684.991

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

Ngân VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14.637.989.379	13.766.451.651
310	I. Nợ ngắn hạn		7.864.669.423	6.754.505.795
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	420.124.292	359.479.015
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	450.086.543	528.938.858
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	5.203.834	7.155.321
314	4. Phải trả người lao động		63.508.098	98.870.565
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	3.472.677.919	3.088.705.929
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	81.818
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	157.048.571	161.601.224
320	8. Vay ngắn hạn	23	3.295.916.657	2.509.569.555
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.509	103.510
330	II. Nợ dài hạn		6.773.319.956	7.011.945.856
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	21	571.942.908	653.649.038
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	17.205.699	65.398.026
338	3. Vay dài hạn	23	5.725.340.856	5.776.845.065
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.2	453.465.659	510.611.231
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.364.834	5.442.496
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.631.182.151	4.673.233.340
410	I. Vốn chủ sở hữu		4.631.182.151	4.673.233.340
411	1. Vốn cổ phần	24.1	9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
415	2. Cổ phiếu quỹ	24.1	(686.640)	(686.640)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.1	(1.181.830.523)	(602.619.336)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	24.1	282.410.699	282.410.699
421	5. Lỗ lũy kế	24.1	(3.938.468.018)	(4.467.100.553)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(4.468.216.553)	(4.670.130.714)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		529.748.535	203.030.161
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	195.077.163	186.549.700
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		19.269.171.530	18.439.684.991


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	2.036.204.596	832.044.919
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(6.161.292)	(21.938.951)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	2.030.043.304	810.105.968
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(1.564.580.744)	(701.819.656)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		465.462.560	108.286.312
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	287.796.265	476.159.732
22	7. Chi phí tài chính	29	(1.061.789.304)	(386.241.546)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(386.306.194)	(364.761.190)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết		-	(5.819.760)
25	9. Chi phí bán hàng	30	(142.666.379)	(48.257.284)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	955.742.768	(142.554.415)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		504.545.910	1.573.039
31	12. Thu nhập khác	31	30.496.415	35.579.224
32	13. Chi phí khác	31	(71.288.421)	(251.809.570)
40	14. Lỗ khác	31	(40.792.006)	(216.230.346)
50	15. Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		463.753.904	(214.657.307)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(1.562.650)	(319.480)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.2	60.650.477	223.287.037
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		522.841.731	8.310.250

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		529.748.535	18.216.471
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	25	(6.906.804)	(9.906.221)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	26	571	20
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	26	571	20



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Ngàn VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		463.753.904	(214.657.307)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12 13	181.370.773	507.006.114
03	Hoàn nhập dự phòng		(512.458.750)	(263.839.860)
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		152.884.773	(8.108.764)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(287.198.910)	(262.019.763)
06	Chi phí lãi vay	29	386.306.194	364.761.190
07	Các điều chỉnh khác		-	1.759.668
08	Lợi nhuận của hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		384.657.984	124.901.278
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		497.074.803	(124.370.897)
10	Tăng hàng tồn kho		(287.125.761)	(154.381.044)
11	Giảm các khoản phải trả		(533.357.495)	(143.628.116)
12	Tăng chi phí trả trước		(131.082.275)	(58.885.996)
14	Tiền lãi vay đã trả		(65.352.216)	(64.739.258)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	32.1	(706.532)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(135.891.492)	(421.104.033)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(127.633.013)	(703.152.100)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		3.112.340	44.178.165
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(1.975.172.657)	(2.926.484.865)
24	Tiền thu hồi cho vay		1.171.091.212	1.464.281.340
25	Tiền chi để đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(232.446.836)	(108.511.316)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		791.244.823	3.332.388.023
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		36.817.031	26.434.141
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động đầu tư		(332.987.100)	1.129.133.388

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Nhận góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	25	20.094.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	23	1.159.326.883	651.019.989
34	Tiền trả nợ gốc vay	23	(671.151.014)	(1.300.403.207)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		508.269.869	(649.383.218)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		39.391.277	58.646.137
60	Tiền đầu kỳ		78.298.037	97.151.198
70	Tiền cuối kỳ	5	117.689.314	155.797.335


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch “HAG”.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, ba (3) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực nông nghiệp				
(1) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	98,00	98,00
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,00
(3) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay (“Khăn Xay”)	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,00
(4) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	88,03	88,03
(5) Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Mang Yang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	51,00	44,90
(6) Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	55,00	55,00
(7) Công ty Cổ Phần Gia súc Lơ Pang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100	99,75
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ				
(8) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	99,97
(9) Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai (“Bệnh viện HAGL”)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00	99,93
(10) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00	100,00
Công ty liên kết				
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00	25,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc				
Dịch vụ hàng hóa - xây dựng				
(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(3) Chi nhánh Chế biến Hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
Quản lý bất động sản và khách sạn				
(4) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-

(i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn; trồng và kinh doanh trái cây và các loại cây trồng khác; chăn nuôi và kinh doanh heo, bò; sản xuất và mua bán cây giống; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 1.825 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.565).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lỗ lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế là 3.938.468.018 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Tập đoàn cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng vay và trái phiếu như được trình bày tại Thuyết minh số 23. Những điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác, dòng tiền từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông, tiền đi vay các ngân hàng thương mại và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Tập đoàn cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay và trái phiếu có liên quan. Theo đó, Tập đoàn có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây trồng lâu năm	10 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

Khấu hao các vườn cây

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)		
	Vườn cây chuối (i)	Vườn cây mít (ii)	Vườn cây xoài (iii)
Năm thứ 1	10,00	0,80	0,30
Năm thứ 2	10,00	1,80	1,00
Năm thứ 3	10,00	4,10	2,20
Năm thứ 4	10,00	5,80	4,30
Năm thứ 5	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 6	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 7	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 8	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 9	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 10	Giá trị còn lại	5,80	5,80
Năm thứ 11		5,80	5,80
Năm thứ 12		5,80	5,80
Năm thứ 13		5,80	5,80
Năm thứ 14		5,80	5,80
Năm thứ 15		5,80	5,80
Năm thứ 16		4,70	5,80
Năm thứ 17		4,70	5,80
Năm thứ 18		4,70	5,80
Năm thứ 19		4,70	5,80
Năm thứ 20		Giá trị còn lại	Giá trị còn lại

Vườn cây ăn quả

Ban Tổng Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ đậu trái đạt trên 50% số cây trồng trong lô kể từ thời gian xử lý ra trái.

- (i) Khấu hao đối với vườn cây chuối được thực hiện dựa trên Quyết định số 0106/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 6 năm 2020 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây chuối theo chu kỳ khai thác.
- (ii) Khấu hao đối với vườn cây mít được thực hiện dựa trên Quyết định số 0111/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 11 năm 2018 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây mít theo chu kỳ khai thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

- (iii) Khấu hao đối với vườn cây xoài được thực hiện dựa trên Quyết định số 0101/18/QĐ-HAGL Agrico ngày 2 tháng 1 năm 2018 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây xoài theo chu kỳ khai thác.
- (iv) Khấu hao đối với các vườn cây còn lại được thực hiện dựa trên các Quyết định khác có liên quan của Ban Tổng Giám đốc.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao và/hoặc giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	23 - 30 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, vườn cây của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Tập đoàn như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đèn bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Dự án chăn nuôi

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển dự án chăn nuôi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn cây ăn quả, chi phí khai hoang, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ;
- ▶ Chi phí phát triển cây ăn quả, vườn cây khác, chi phí khai hoang bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- ▶ Chi phí dự án chăn nuôi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa là mười (10) năm. Định kỳ Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp trước đây công ty mẹ đã thoái một phần vốn tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái phần vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát thì công ty mẹ phải kết chuyển phần lãi, lỗ đã ghi nhận trước đây trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.13 *Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh*

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 Dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.20 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.24 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (trồng cây, thương mại và dịch vụ). Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa theo địa điểm của tài sản.

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Mua Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang (“Lơ Pang”)

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất nghiệp vụ mua 50.000.000 cổ phần, tương đương 99,75% tỷ lệ sở hữu trong Lơ Pang từ các cổ đông hiện hữu với tổng giá trị chuyển nhượng là 2.384.000.000 ngàn VND. Theo đó, Lơ Pang đã trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này. Tại ngày mua, Lơ Pang sở hữu diện tích đất canh tác nông nghiệp tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam là 2.129 ha. Chênh lệch giữa giá trị đầu tư và giá tài sản thuần của Lơ Pang phát sinh từ giao dịch này là 1.860.352.406 ngàn VND.

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua cổ phần của Lơ Pang là mua tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh, cụ thể là phần diện tích đất cho mục đích phát triển các cây trồng nông nghiệp và xây dựng hệ thống chuồng trại chăn nuôi sau này. Giá phí của các giao dịch này được phân bổ cho các tài sản, nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tạm tính tương ứng của các tài sản, nợ phải trả đó tại ngày mua. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Các tài sản, nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản, nợ phải trả tương tự của Tập đoàn.

Lơ Pang là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5901147416 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 19 tháng 6 năm 2020 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại là chăn nuôi và trồng cây ăn trái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	7.495.903	5.616.001
Tiền gửi ngân hàng	110.193.411	72.682.036
TỔNG CỘNG	117.689.314	78.298.037

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	689.209.196	336.603.792
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư	176.271.018	176.271.018
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	176.271.018	176.271.018
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	-	36.967.957
Phải thu khác	5.639.514	3.947.408
TỔNG CỘNG	871.119.728	553.790.175
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi	(39.665.533)	(66.752.042)
GIÁ TRỊ THUẦN	831.454.195	487.038.133
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu các bên thứ ba	620.859.366	413.715.144
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh ("TM") số 33)	250.260.362	140.075.031

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	66.752.042	47.861.216
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	11.372.647	47.060.730
Trừ: Giảm do mua công ty con	-	(16.368.434)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(38.459.156)	(5.866.101)
Số cuối kỳ	39.665.533	72.687.411

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	246.747.663	129.190.217
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	117.441.224	-
- Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì	79.744.135	62.098.512
- Các nhà cung cấp khác	49.562.304	67.091.705
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	6.815.153	17.900.256
TỔNG CỘNG	253.562.816	147.090.473
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(17.964.690)	(9.804.538)
GIÁ TRỊ THUẦN	235.598.126	137.285.935
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước các bên thứ ba</i>	128.397.513	134.517.246
<i>Trả trước các bên liên quan (TM số 33)</i>	125.165.303	12.573.227

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	9.804.538	24.753.411
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong kỳ	8.160.152	5.882.722
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(12.610.823)
<i>Trừ:</i> Giảm do thanh lý công ty con	-	(1.499.960)
Số cuối kỳ	17.964.690	16.525.350

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 33) (i)	5.390.133.281	6.397.342.577
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	155.141.888	118.915.603
	<u>5.545.275.169</u>	<u>6.516.258.180</u>
Dài hạn		
Cho vay dài hạn bên liên quan (TM số 33) (i)	1.281.397.494	2.363.749.852
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	17.320.336	16.983.365
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	95.021.729	72.105.209
	<u>1.393.739.559</u>	<u>2.452.838.426</u>
TỔNG CỘNG	6.939.014.728	8.969.096.606
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	<u>(365.501.867)</u>	<u>(1.392.199.669)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	6.573.512.861	7.576.896.937

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu về cho vay khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	1.392.199.669	2.305.282.094
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	270.034.632	15.334.708
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(1.296.732.434)</u>	<u>(472.857.991)</u>
Số cuối kỳ	<u>365.501.867</u>	<u>1.847.758.811</u>
Trong đó:		
Ngắn hạn	365.501.867	1.847.758.811

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả từ năm 2023 đến năm 2025 và hưởng lãi suất từ 4,80%/năm đến 10,00%/năm.
- (ii) Đây là khoản cho vay tín chấp các bên khác với thời hạn hoàn trả từ năm 2022 đến năm 2027 và hưởng lãi suất từ 10,00%/năm đến 14,00%/năm.
- (iii) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào theo Hợp đồng Tín dụng ký ngày 23 tháng 5 năm 2013. Khoản vay này sẽ được cần trừ với nghĩa vụ thuế mà Công ty và các công ty con phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Nợ gốc đầu kỳ và cuối kỳ (USD)	<u>748.826</u>	<u>748.826</u>
Nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VND)	17.320.336	16.983.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn		
Phải thu lãi cho vay	712.724.476	489.961.800
Cho các công ty mượn	205.301.050	256.354.007
Tạm ứng cho nhân viên	16.218.471	34.676.282
Phải thu ngắn hạn khác	5.240.212	4.580.609
	<u>939.484.209</u>	<u>785.572.698</u>
Dài hạn		
Phải thu Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ("HĐHTKD") (*)	440.000.000	440.000.000
Phải thu lãi cho vay	120.773.126	206.136.867
Phải thu dài hạn khác	7.270.149	3.408.754
	<u>568.043.275</u>	<u>649.545.621</u>
TỔNG CỘNG	1.507.527.484	1.435.118.319
Dự phòng phải thu khác khó đòi	<u>(157.210.668)</u>	<u>(141.973.642)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	1.350.316.816	1.293.144.677
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 33)	688.060.318	480.605.940
Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 33)	551.291.250	639.457.496
Phải thu các bên thứ ba	268.175.916	315.054.883

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khác khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	141.973.642	148.514.610
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	61.231.774	159.945.192
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(45.994.748)</u>	<u>(2.950.213)</u>
Số cuối kỳ	<u>157.210.668</u>	<u>305.509.589</u>
<i>Trong đó:</i>		
Ngắn hạn	132.922.438	287.430.413
Dài hạn	24.288.230	18.079.176

(*) Khoản này thể hiện phần vốn góp kinh doanh cho Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me") theo HĐHTKD ký ngày 8 tháng 9 năm 2020 về việc hợp tác đầu tư vào dự án trồng cây ăn quả của Lê Me trong bốn (4) năm. HĐHTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, dự án trên vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu. HĐHTKD này đang được dùng để thế chấp cho khoản trái phiếu thường tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TM số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	658.964.156	260.560.576
<i>Trong đó:</i>		
- Chăn nuôi	574.652.094	201.590.330
- Hoạt động sản xuất, trồng trọt (i)	83.475.563	54.006.258
- Hợp đồng xây dựng	836.499	4.963.988
Nguyên vật liệu	101.270.909	90.109.454
Hàng hóa	74.792.264	55.327.304
Thành phẩm	5.499.577	4.481.660
Công cụ, dụng cụ	1.956.111	3.255.975
TỔNG CỘNG	842.483.017	413.734.969
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.703.405)	(3.703.405)
GIÁ TRỊ THUẦN	838.779.612	410.031.564

(i) Một phần chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (hoạt động sản xuất, trồng trọt) được dùng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (TM số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Cây trồng lâu năm và vật nuôi	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.727.150.502	282.036.776	283.628.860	4.701.322	1.187.706.552	33.099.451	3.518.323.463
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	228.583.382	4.930.362	68.403.349	-	616.354.751	-	918.271.844
Mua mới trong kỳ	760.978	17.573.819	7.505.068	-	-	826.949	26.666.814
Mua công ty con	13.434.292	37.270.751	38.383.688	88.421	55.263.658	-	144.440.810
Chênh lệch tỷ giá	(162.585.324)	(2.045.322)	(37.456.296)	-	(171.151.898)	-	(373.238.840)
Thanh lý	(430.914)	(2.448.345)	(6.061.806)	-	(22.128.127)	-	(31.069.192)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	1.806.912.916	337.318.041	354.402.863	4.789.743	1.666.044.936	33.926.400	4.203.394.899
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết	9.407.565	30.357.139	25.315.816	3.112.292	26.517.011	18.566.116	113.275.939
Giá trị khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	(357.237.018)	(147.888.366)	(111.303.218)	(3.737.175)	(181.357.416)	(30.021.662)	(831.544.855)
Khấu hao trong kỳ	(41.839.479)	(12.062.017)	(12.494.573)	(128.887)	(110.633.290)	(913.398)	(178.071.644)
Mua công ty con	(663.586)	(1.677.021)	(5.330.611)	(27.072)	(1.714.712)	-	(9.413.002)
Chênh lệch tỷ giá	43.067.959	467.636	10.133.631	-	14.057.628	-	67.726.854
Thanh lý	37.596	1.090.298	6.061.806	-	19.976.871	-	27.166.571
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	(356.634.528)	(160.069.470)	(112.932.965)	(3.893.134)	(259.670.919)	(30.935.060)	(924.136.076)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.369.913.484	134.148.410	172.325.642	964.147	1.006.349.136	3.077.789	2.686.778.608
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	1.450.278.388	177.248.571	241.469.898	896.609	1.406.374.017	2.991.340	3.279.258.823
<i>Trong đó:</i>							
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23 và 34)	977.946.830	177.248.571	241.469.898	111.893	849.446.936	2.959.237	2.249.183.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	129.022.337	16.517.789	145.540.126
Mua mới trong kỳ	-	108.176	108.176
Mua công ty con	<u>143.795.537</u>	<u>-</u>	<u>143.795.537</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>272.817.874</u>	<u>16.625.965</u>	<u>289.443.839</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	4.972.323	4.972.323
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	(6.153.251)	(16.495.914)	(22.649.165)
Hao mòn trong kỳ	(1.960.927)	(22.776)	(1.983.703)
Mua công ty con	<u>(2.967.918)</u>	<u>-</u>	<u>(2.967.918)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>(11.082.096)</u>	<u>(16.518.690)</u>	<u>(27.600.786)</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>122.869.086</u>	<u>21.875</u>	<u>122.890.961</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>261.735.778</u>	<u>107.275</u>	<u>261.843.053</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23 và 34)</i>	125.444.952	21.875	125.466.827

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Ngàn VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	27.072.022	47.003.809	74.075.831
và ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>27.072.022</u>	<u>47.003.809</u>	<u>74.075.831</u>
Giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	(4.436.365)	(7.033.172)	(11.469.537)
Khấu hao và hao mòn trong kỳ	<u>(369.697)</u>	<u>(945.729)</u>	<u>(1.315.426)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>(4.806.062)</u>	<u>(7.978.901)</u>	<u>(12.784.963)</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>22.635.657</u>	<u>39.970.637</u>	<u>62.606.294</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>22.265.960</u>	<u>39.024.908</u>	<u>61.290.868</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23)</i>	22.265.960	39.024.908	61.290.868

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	434.164	518.325
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	1.315.426	1.315.426

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2022. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường của các tài sản cũng như tình hình kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả (*)	2.688.242.109	2.365.989.272
Dự án chăn nuôi	1.945.823.531	938.358.956
Nhà xưởng và nhà máy nông trường (*)	24.023.738	99.599.782
Khác	72.368.081	91.201.065
TỔNG CỘNG	<u>4.730.457.459</u>	<u>3.495.149.075</u>

(*) Các khoản này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 23).

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa các chi phí lãi vay với tổng giá trị là 7.319.138 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: 10.282.960 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để tài trợ vốn cho việc xây dựng và phát triển các vườn cây ăn quả và các dự án khác.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 16.1)	-	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (TM số 16.2)	1.049.961.081	1.781.156.721
TỔNG CỘNG	<u>1.049.961.081</u>	<u>1.781.156.721</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(520.336.086)	(2.330.041)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>529.624.995</u>	<u>1.778.826.680</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư
		(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông (*)	Tư vấn và thiết kế	25,00	-	25,00	-

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tập đoàn có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông với giá gốc đầu tư là 5.000.000 ngàn VND.

16.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") (*) (i)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	9,44	1.041.431.040	16,07	1.772.626.680
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Bóng đá chuyên nghiệp Việt nam	Bóng đá	-	1.170.000	-	1.170.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	-	1.160.041
TỔNG CỘNG			1.049.961.081		1.781.156.721
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(520.336.086)		(2.330.041)
GIÁ TRỊ THUẦN			529.624.995		1.778.826.680

(*) Một phần cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Tập đoàn đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 1 tháng 3 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 73.518.700 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác. Với tổng giá trị chuyển nhượng là 791.244.823 ngàn VND và ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý là 60.049.183 ngàn VND (TM số 27.2). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong HNG giảm từ 16,07% xuống còn 9,44%

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	8.783.063	3.570.321
Chi phí khác	4.401.910	3.554.320
	<u>13.184.973</u>	<u>7.124.641</u>
Dài hạn		
Dự án chăn nuôi	220.062.854	110.024.320
Chi phí khai hoang	115.535.842	124.639.291
Tiền thuê đất	33.046.559	10.473.443
Công cụ, dụng cụ	27.760.448	22.449.231
Chi phí khác	3.526.357	4.313.876
	<u>399.932.060</u>	<u>271.900.161</u>
TỔNG CỘNG	<u>413.117.033</u>	<u>279.024.802</u>

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	399.146.988	317.277.378
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Phát triển Do Holdings	153.632.734	59.671.882
- Các nhà cung cấp khác	245.514.254	257.605.496
Phải trả nhà thầu xây dựng	20.152.611	8.728.257
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	824.693	33.473.380
	<u>420.124.292</u>	<u>359.479.015</u>
TỔNG CỘNG		
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên thứ ba	370.350.094	220.748.397
Phải trả các bên liên quan (TM số 33)	49.774.198	138.730.618

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Người mua trả tiền trước từ các bên thứ ba	310.668.868	215.077.428
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	162.680.988	162.680.988
- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Phát triển Do Holdings	100.211.341	-
- Các khách hàng khác	47.776.539	52.396.440
Người mua trả tiền trước từ các bên liên quan (TM số 33)	139.417.675	313.861.430
TỔNG CỘNG	450.086.543	528.938.858

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	17.611.524	42.941.909	(31.946.197)	28.607.236
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 32.1)	7.539	-	-	7.539
Thuế khác	3.127.579	122.572	(108.102)	3.142.049
TỔNG CỘNG	20.746.642	43.064.481	(32.054.299)	31.756.824
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 32.1)	631.518	1.562.650	(706.532)	1.487.636
Thuế thu nhập cá nhân	3.365.161	9.048.356	(11.609.108)	804.409
Thuế giá trị gia tăng	3.102.325	34.690.080	(35.561.459)	2.230.946
Thuế khác	56.317	1.686.413	(1.061.887)	680.843
TỔNG CỘNG	7.155.321	46.987.499	(48.938.986)	5.203.834

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	3.447.917.299	3.065.930.895
Chi phí hoạt động	103.344	1.534.315
Chi phí khác	24.657.276	21.240.719
	<u>3.472.677.919</u>	<u>3.088.705.929</u>
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	571.942.908	653.649.038
TỔNG CỘNG	4.044.620.827	3.742.354.967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân (i)	104.550.613	111.183.498
Phải trả các cá nhân khác	7.309.716	1.276.235
Khác	45.188.242	49.141.491
	<u>157.048.571</u>	<u>161.601.224</u>
Dài hạn		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân (i)	17.205.699	65.398.026
TỔNG CỘNG	<u>174.254.270</u>	<u>226.999.250</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả dài hạn các bên thứ ba</i>	162.428.359	208.884.310
<i>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 33)</i>	11.825.911	18.114.940

- (i) Khoản này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Tập đoàn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn		
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (TM số 23.2)	1.293.902.214	1.293.017.564
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 23.3)	787.291.462	704.681.572
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 23.1)	1.214.722.981	511.870.419
	<u>3.295.916.657</u>	<u>2.509.569.555</u>
Dài hạn		
Vay dài hạn trái phiếu (TM số 23.2)	5.146.115.154	5.142.773.631
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 23.3)	459.064.060	497.175.885
Vay dài hạn từ công ty và cá nhân (TM số 23.4)	120.161.642	136.895.549
	<u>5.725.340.856</u>	<u>5.776.845.065</u>
TỔNG CỘNG	<u>9.021.257.513</u>	<u>8.286.414.620</u>

Tình hình tăng/(giảm) các khoản vay như sau:

	Ngàn VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	2.509.569.555	5.776.845.065	8.286.414.620
Tiền thu từ đi vay	1.143.326.883	16.000.000	1.159.326.883
Mua công ty con	191.000.000	96.128.750	287.128.750
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	884.650	3.341.523	4.226.173
Vay dài hạn đến hạn trả	138.424.834	(138.424.834)	-
Chênh lệch tỷ giá	(16.927.626)	(27.760.273)	(44.687.899)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(670.361.639)	(789.375)	(671.151.014)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>3.295.916.657</u>	<u>5.725.340.856</u>	<u>9.021.257.513</u>

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

	Ngàn VND	
Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Gia Lai	690.999.450	499.998.646
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	499.989.560	-
Sacombank Lào, Chi nhánh Champasak	23.733.971	9.914.824
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai	-	1.956.949
TỔNG CỘNG	<u>1.214.722.981</u>	<u>511.870.419</u>

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12 và 14)
Sacombank, Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay ngày 21 tháng 1 năm 2022	499.999.450	Từ ngày 6 tháng 7 năm 2022 đến 30 tháng 12 năm 2022	8,60 - 9,10	90.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức.
Khoản vay ngày 26 tháng 1 năm 2022	191.000.000	Từ 24 tháng 9 năm 2022 đến 26 tháng 10 năm 2022	8,60	23.751.983 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức; Quyền sử dụng đất và khai thác 102,9 ha (2 bìa) tại Xã IA Tiêm, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gia Súc Lơ Pang; Quyền sử dụng đất và khai thác 25,811 ha (1 bìa) tại Xã IA Băng, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gia Súc Lơ Pang; Quyền sử dụng đất và khai thác 21 ha (4 bìa) tại Xã IA Grai, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gia Súc Lơ Pang; Quyền sử dụng đất và khai thác 165 ha (6 bìa) tại Xã IA Băng, Huyện Dakdoá, Tỉnh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gia Súc Lơ Pang; Quyền sử dụng đất và khai thác 144 ha (3 bìa) tại Xã Yang Bắc, Huyện DakPo, Tỉnh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gia Súc Lơ Pang.
TỔNG CỘNG	<u>690.999.450</u>			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng				
Khoản vay ngày 15 tháng 03 năm 2022	399.992.340	Ngày 14 tháng 9 năm 2022	6,50	Chứng nhận tiền gửi tiết kiệm thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Huyền; Chứng nhận tiền gửi tiết kiệm thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Hải Yến; Bảo lãnh của Công ty và Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Khoản vay ngày 17 tháng 06 năm 2022	99.997.220	Ngày 17 tháng 12 năm 2022	7,00	Chứng nhận tiền gửi tiết kiệm thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Huyền.
TỔNG CỘNG	<u>499.989.560</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12 và 14)
Sacombank Lào, Chi nhánh Champasak				
Khoản vay ngày 4 tháng 1 năm 2022	16.656.909	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2022 đến 21 tháng 12 năm 2022	10,00	QSDD diện tích: 6,83 ha, Thửa số 01, Tờ bản đồ số: A 627-636 địa chỉ tại: Bản Hạt san, Huyện Saysetha, Tỉnh Attapeu, Lào, đất xây dựng xây trụ sở văn phòng và kho hàng hóa;
Khoản vay ngày 4 tháng 1 năm 2022	7.077.062	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2022 đến 20 tháng 7 năm 2022	8,00	Toàn bộ 6,83 ha phần diện tích công trình xây dựng, cây trồng trên đất theo Hợp đồng nhượng quyền đất Nhà nước số 11 ngày 23 tháng 9 năm 2021 tọa lạc tại Bản Huoykong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào.
TỔNG CỘNG	<u>23.733.971</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.876.000.000	5.876.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	300.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(35.982.632)	(40.208.805)
TỔNG CỘNG	6.440.017.368	6.435.791.195
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	5.146.115.154	5.142.773.631
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	1.293.902.214	1.293.017.564

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13, 14 và 16)
BIDV và BSC	BIDV (*)	5.876.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) NHTM tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank (+) với biên độ 2%/năm (2022: 7,525 - 7,55)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Diện tích 4.852,74 ha cao su và Quyền thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là động sản, bất động sản gắn liền với đất tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sê Kong (Lào) do Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh làm chủ sở hữu; Diện tích 9.231,6 ha cao su và Quyền thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là động sản, bất động sản gắn liền với đất do Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("Hoàng Anh Attapeu") làm chủ sở hữu; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu (Lào) của Hoàng Anh Attapeu; Diện tích 5.357 ha cọ dầu và Quyền thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là động sản, bất động sản gắn liền với đất trên diện tích 9.380,9 ha tại Tỉnh Ratanakiri (Campuchia) do Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Dong Meas sở hữu; 44.926.000 cổ phiếu HAG do Ông Đoàn Nguyên Đức sở hữu; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 1.960,91 ha cao su tại Tỉnh Ratanakiri (Campuchia) của Công ty TNHH MTV Heng Brothers; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 3.281,7 ha cao su tại Tỉnh Rattanakiri (Campuchia) của Công ty TNHH MTV CRD; Công trình Bệnh viện Đại học Y dược HAGL thuộc Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y Dược – Hoàng Anh Gia Lai ("Bệnh viện HAGL"); Trụ sở văn phòng làm việc Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Khu liên hợp Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 16,5 ha chuỗi trên đất thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 2 tầng khu thương mại thuộc Tổ hợp khu chung cư - Thương mại cao cấp Bầu Thạc Gián, Đà Nẵng thuộc sở hữu của Công ty; 13.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 7 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty; Trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất, chế biến gỗ và hàng mộc dân dụng (tại phường Chi Lăng, Gia Lai) thuộc Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai; Nhà máy gỗ nội thất (tại Chư Prong, Gia Lai) thuộc Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai; Máy móc thiết bị thuộc Bệnh viện HAGL; 335 ha chuỗi tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc Công ty MTV Phát triển Nông Nghiệp Khăn Xay; 2789,7216 ha tại Stung Cheng, Campuchia thuộc Công ty TNHH sản xuất Bột Mì; Máy móc thiết bị thuộc sở hữu Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai.

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, diện tích trồng cao su và cọ dầu thực tế đang thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng. Diện tích cam kết lần lượt là 4.852,74 ha cao su và 7.102 ha cọ dầu. Cũng tại ngày này, Tập đoàn cũng chưa tiến hành thanh toán lãi vay phải trả đã đến hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 với tổng giá trị là 2.060.753.494 ngàn VND. Tập đoàn đã có kế hoạch thanh toán khoản lãi vay đã đến hạn nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 9, 11, 12 và 14)
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn mười ba (13) tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cộng với biên độ 4,50 (2022: 10,00)	Ngày 30 tháng 9 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	47.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức.
TPBank	TP Bank	300.000.000	Lãi suất áp dụng cho 6 tháng đầu tiên kể từ Ngày phát hành là 10%/năm. Lãi suất điều chỉnh bằng tổng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân cao nhất kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Tiên Phong cộng với biên độ 3,5%/năm (2022: 9,65)	Ngày 28 tháng 10 năm 2024	Thực hiện các chương trình, dự án, đầu tư của tập đoàn	50.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức; Bảo lãnh của Ông Đoàn Nguyên Đức; Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất Số BY 440741 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai; 14.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Quý; Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng 0809/2020/HTDTKD/HTGL-LEME.
Chi phí phát hành trái phiếu		(35.982.632)				
TỔNG CỘNG		6.440.017.368				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		5.146.115.154				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		1.293.902.214				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương ("Eximbank")	597.790.249	637.790.252
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	294.000.000	192.000.000
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt") - Chi nhánh Attapeu	254.109.044	268.686.489
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	100.456.229	103.380.716
TỔNG CỘNG	1.246.355.522	1.201.857.457
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả</i>	787.291.462	704.681.572
<i>Vay dài hạn</i>	459.064.060	497.175.885

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn tài trợ cho các dự án vườn cây ăn quả của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
<i>Eximbank</i>				
Khoản vay ngày 15 tháng 8 năm 2014 (*)	437.865.843	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	12,40	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên tổng diện tích 957 ha (7 bìa đồ) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai; Phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và tài sản khác hình thành từ vốn vay.
Khoản vay ngày 23 tháng 9 năm 2014 (*)	159.924.406	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	12,40	
TỔNG CỘNG	<u>597.790.249</u>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	233.300.000			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	364.490.249			

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn chưa thanh toán khoản vay đến hạn với tổng giá trị là 139 tỷ VND theo lịch thanh toán đã cam kết với ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
<i>TPBank - Chi nhánh Hà Nội</i>				
Khoản vay	192.000.000	Từ ngày 21 tháng 10 năm 2022 đến ngày 21 tháng 10 năm 2024	Lãi suất điều chỉnh ba (3) tháng một lần và bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm mười hai (12) tháng của TPBank cộng với biên độ 4,50 (2022: 9,65 - 10,00)	Các tài sản phát sinh từ phần vốn góp vào Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng với giá trị 12.000.000 USD; và Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất có các Giấy Chứng nhận số BY 440736, BY 440744, BY 440746 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai.
Khoản vay	102.000.000	Từ ngày 14 tháng 6 năm 2023 đến ngày 14 tháng 12 năm 2023	10,00	Quyền khai thác đất và tài sản gắn liền trên đất tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào trong tổng diện tích 128 ha của Công ty MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay; Quyền khai thác đất và tài sản gắn liền trên đất tại Tỉnh Attapeu, Lào trong tổng diện tích 146,35 ha của Công ty MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay; 50.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức; 14.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Quý; Bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang đảm bảo cho các nghĩa vụ nợ của Công ty tại TPBank của Chủ tịch.
TỔNG CỘNG	<u>294.000.000</u>			
Trong đó:				
Vay dài hạn	147.000.000			
Vay dài hạn đến hạn trả	147.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
<i>Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu</i>				
Khoản vay	<u>254.109.044</u>	Từ 1 tháng 7 năm 2022 đến 22 tháng 7 năm 2022	8,50	2 lô đất tại Bản Honglay, Huyện Lamam, Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của Ông Channousit; Trụ sở làm việc của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng tại Bản NongYoi, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào; Quyền sở hữu khai thác diện tích 939 ha vườn cây ăn quả thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.

Trong đó:

Vay dài hạn
đến hạn trả

254.109.044

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
Sacombank Lào, Chi nhánh Champasak	91.116.854	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2022 đến ngày 7 tháng 6 năm 2026	LAK: 10,00 USD: 8,00	Quyền sử dụng đất số 01 A-660-668 (bìa đồ đất 118,2 ha và bìa đồ đất 3,5 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 02 A-658-670 (bìa đồ đất 6,7 ha và bìa đồ đất 50,3 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 03 A-658-670 (bìa đồ đất 60,0 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 04 A-658-670 (bìa đồ đất 3,9 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 05 A-658-670 (bìa đồ đất 2,4 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Tất cả các quyền sử dụng đất nêu trên đều thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.
Sacombank, Chi nhánh Gia Lai	9.339.375	Ngày 24 tháng 3 năm 2025	9,90	Phương tiện vận tải, máy móc hình thành từ vốn vay.
Tổng cộng	100.456.229			
Trong đó:				
Vay dài hạn	78.764.060			
Vay dài hạn đến hạn trả	21.692.169			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn từ công ty và cá nhân

Tên đối tượng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Ông Lê Hiền Trung	79.106.472	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	10,00	Tín chấp
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp KhamKauong	29.145.928	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	10,00	Tín chấp
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	<u>11.909.242</u>	Ngày 1 tháng 4 năm 2023	12,00	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>120.161.642</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021							
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	(1.440.136.262)	282.410.699	(6.301.662.837)	5.078.463.214
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	18.216.471	18.216.471
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(191.037.712)	-	-	(191.037.712)
Thủ lao HĐQT, BKS và thư ký	-	-	-	-	-	(1.485.000)	(1.485.000)
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(73.544.008)	(73.544.008)
Thanh lý công ty con	-	-	-	1.253.037.089	-	(1.013.165.414)	239.871.675
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>9.274.679.470</u>	<u>3.263.858.784</u>	<u>(686.640)</u>	<u>(378.136.885)</u>	<u>282.410.699</u>	<u>(7.371.640.788)</u>	<u>5.070.484.640</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022							
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	9.274.679.470	-	(686.640)	(602.619.336)	282.410.699	(4.467.100.553)	4.486.683.640
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	529.748.535	529.748.535
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(579.211.187)	-	-	(579.211.187)
Thủ lao HĐQT, BKS và thư ký	-	-	-	-	-	(1.116.000)	(1.116.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>9.274.679.470</u>	<u>-</u>	<u>(686.640)</u>	<u>(1.181.830.523)</u>	<u>282.410.699</u>	<u>(3.938.468.018)</u>	<u>4.436.104.988</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	927.467.947	927.467.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	927.399.283	927.399.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283	927.399.283
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664

25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	186.549.700	4.949.332.245
Nhận góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	20.094.000	-
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	-	357.814.672
Lỗ trong kỳ phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	(6.906.804)	(9.906.221)
Mua công ty con	(4.659.733)	-
Thanh lý công ty con	-	(5.201.860.403)
Số cuối kỳ	<u>195.077.163</u>	<u>95.380.293</u>

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (Ngàn VND)	529.748.535	18.216.471
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	927.399.283	927.399.283
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	571	20
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	571	20

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
		Ngàn VND
Doanh thu gộp	2.036.204.596	832.044.919
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán trái cây</i>	1.040.994.168	335.832.199
<i>Doanh thu bán heo</i>	453.001.521	259.764.315
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	404.880.398	113.638.279
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ</i>	136.792.548	122.324.724
<i>Doanh thu khác</i>	535.961	485.402
Khoản giảm trừ	(6.161.292)	(21.938.951)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(6.161.292)	(21.938.951)
Doanh thu thuần	2.030.043.304	810.105.968
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán trái cây</i>	1.035.724.184	313.893.248
<i>Doanh thu bán heo</i>	453.001.521	259.764.315
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	404.880.398	113.638.279
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ</i>	135.901.240	122.324.724
<i>Doanh thu khác</i>	535.961	485.402
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần với các bên thứ ba</i>	1.348.968.514	744.214.511
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan (TM số 33)</i>	681.074.790	65.891.457

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
		Ngàn VND
Lãi tiền cho vay	225.539.192	233.651.808
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	60.049.183	240.752.906
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.543.758	788.162
Lãi tiền gửi ngân hàng	624.710	884.072
Thu nhập cổ tức	-	79.956
Khác	39.422	2.828
TỔNG CỘNG	287.796.265	476.159.732
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan (TM số 33)</i>	216.685.646	198.105.268
<i>Doanh thu với các bên thứ ba</i>	71.110.619	278.054.464

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá vốn bán trái cây	725.964.043	268.937.536
Giá vốn heo	330.905.748	149.433.088
Giá vốn hàng hóa	368.870.231	105.615.579
Giá vốn dịch vụ cung cấp	138.367.447	111.511.618
Giá vốn khác	473.275	66.321.835
TỔNG CỘNG	<u>1.564.580.744</u>	<u>701.819.656</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	518.006.045	-
Chi phí lãi vay	386.306.194	364.761.190
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	152.909.769	8.931.436
Chi phí lãi HĐHTKD	-	1.759.668
Khác	4.567.296	10.789.252
TỔNG CỘNG	<u>1.061.789.304</u>	<u>386.241.546</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.129.413	46.480.903
Chi phí lương nhân viên	2.358.667	1.398.247
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.970.340	22.054
Chi phí khác	13.207.959	356.080
	<u>142.666.379</u>	<u>48.257.284</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Phân bổ lợi thế thương mại	-	347.363.879
Chi phí lương nhân viên	43.557.221	37.009.535
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.985.739	16.895.882
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.722.859	4.170.201
Hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.030.387.133)	(266.061.776)
Chi phí khác	5.378.546	3.176.694
	<u>(955.742.768)</u>	<u>142.554.415</u>
TỔNG CỘNG	<u>(813.076.389)</u>	<u>190.811.699</u>

31. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	985.825	-
Thu nhập khác	29.510.590	35.579.224
	<u>30.496.415</u>	<u>35.579.224</u>
Chi phí khác		
Chi phí chuyển đổi vườn cây	-	207.529.219
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	7.371.188	11.843.657
Các khoản phạt	11.919.646	282.019
Các khoản khác	51.997.587	32.154.675
	<u>71.288.421</u>	<u>251.809.570</u>
LỖ KHÁC	<u>(40.792.006)</u>	<u>(216.230.346)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2021: 20%).

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính và 2% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động chuyển nhượng dự án. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.562.650	319.480
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(60.650.477)</u>	<u>(223.287.037)</u>
TỔNG CỘNG	<u>(59.087.827)</u>	<u>(222.967.557)</u>

32.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành (phải thu)/phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) của năm hiện tại. Thu nhập/(lỗ) chịu thuế khác với lợi nhuận/(lỗ) được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	463.753.904	(214.657.307)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lỗ kế toán:</i>		
Lỗ từ các công ty con	254.289.710	60.882.064
Chi phí lãi vay không được khấu trừ (*)	58.553.498	82.680.062
Lợi nhuận chưa thực hiện trên hợp nhất	24.250.120	11.341.029
Lợi thế thương mại phân bổ	-	347.363.879
Lỗ từ thanh lý các công ty con ở khía cạnh hợp nhất	-	222.169.717
Lỗ từ công ty liên kết	-	5.819.760
Lợi nhuận của các công ty con được miễn thuế	(153.633.637)	(66.839.918)
Cán trừ lỗ năm trước	(239.421.491)	(539.830.115)
Các khoản khác	(390.518.390)	93.987.634
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	17.273.714	2.916.805
Thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành	3.454.742	583.361
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(1.892.092)	(263.881)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	1.562.650	319.480
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	623.979	22.300.049
Thanh lý công ty con	-	(20.356.074)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(706.532)	-
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	1.480.097	2.263.455
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (TM số 20)	1.487.636	2.270.994
Thuế TNDN trả trước (TM số 20)	(7.539)	(7.539)

(*) Theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 sửa đổi Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 do Chính phủ ban hành để xác định thu nhập chịu thuế bao gồm tổng chi phí lãi vay thuần phát sinh trong năm mà vượt 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay thuần và chi phí khấu hao trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<i>Ngàn VND</i>				
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	14.471.551	10.966.646	3.504.905	(79.909.799)
	14.471.551	10.966.646	3.504.905	(79.909.799)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chênh lệch giá trị hợp lý của tài sản mua trong hợp nhất kinh doanh	453.465.659	510.611.231	(57.145.572)	(42.089.969)
Dự phòng các khoản đầu tư	-	-	-	(141.070.733)
Chi phí lãi vay vốn hóa trên khía cạnh hợp nhất	-	-	-	(120.036.134)
	453.465.659	510.611.231	(57.145.572)	(303.196.836)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(60.650.477)	(223.287.037)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Một Thành viên Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Công ty liên quan
Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Công ty liên quan
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan
Công ty TNHH Một Thành Viên Bờ Y	Công ty liên quan
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con
Ông Nguyễn Kim Luân	Cổ đông
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Cổ đông
Ông Lê Văn Thạch	Cổ đông
Ông Nguyễn Văn Quý	Cổ đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT
Đoàn Tiên Quyết	Cha
Nguyễn Thị Thơm	Mẹ
Hoàng Trọng Biên	Cha vợ
Lê Thị Ngọc Ân	Mẹ vợ
Hoàng Thị Ngọc Bích	Vợ
Đoàn Hoàng Anh	Con
Đoàn Hoàng Nam	Con
Đoàn Hoàng Nam Anh	Con
Đoàn Nguyên Lộc	Anh
Nguyễn Thị Lành	Chị dâu
Đoàn Thị Nguyên Dung	Em
Trần Hữu Phước	Em rể
Đoàn Nguyên Ngôn	Em
Đào Thị Phương Mai	Em dâu
Đoàn Thị Nguyên Vinh	Em
Lê Văn Kế	Em rể
Đoàn Nguyên Thịnh	Em
Lê Thị Diễm	Em dâu
Đoàn Thị Nguyên Xuân	Em
Thân Quang Vinh	Em rể
Đoàn Nguyên Thu	Em
Nguyễn Thị Huỳnh Lê	Em dâu
Đoàn Thị Nguyên Thảo	Em ruột
Nguyễn Cao Hoàng	Em rể
Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Em
Nguyễn Minh Trung	Em rể
Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc
Võ Ngọc Dự	Cha
Trần Thị Thắm	Mẹ
Lâm Hoàng Nam	Cha vợ
Đoàn Thị Điệp	Mẹ Vợ
Lâm Hoàng Yến	Vợ
Võ Hoàng Long	Con
Võ Hoàng Yến Nhi	Con
Võ Thanh Lộc	Em
Lê Thanh Thúy	Em dâu
Võ Thị Kim Phượng	Em
Phạm Văn Kém	Em rể
Võ Thị Thắm Thúy Hằng	Em
Nguyễn Văn Hạnh	Em rể
Võ Thị Bé Sáu	Em
Lê Nguyễn Ngọc Sơn	Em rể
Võ Thanh Tùng	Em
Lê Thị Ngọc Hòa	Em dâu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Võ Thị Huyền Lan	Thành viên HĐQT
Võ Văn Giai	Cha
Phạm Thị Tô	Mẹ
Ngô Bình Long	Chồng
Ngô Quý Hà Giang	Con
Ngô Hoàng Khánh Dương	Con
Võ Thị Kiều Phương	Chị ruột
Bùi Văn Ba	Anh rể
Võ Thị Huyền Linh	Chị ruột
Võ Thị Huyền Châu	Em ruột
Võ Thị Huyền Trân	Em ruột
Đình Văn Truyền	Em rể
Công ty Cổ phần Bourbon Bến Lức	Tổ chức liên quan
Công ty Cổ phần thực phẩm Nông sản xuất khẩu Sài Gòn	Tổ chức liên quan
Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Võ Văn Dũng	Cha
Huỳnh Thị Hồng	Mẹ
Lê Đình Quốc	Cha chồng
Lê Thị Thu	Mẹ chồng
Lê Đại Quang	Chồng
Lê Đại Minh Long	Con
Lê Đại Hoàng Long	Con
Võ Đình Phúc	Em
Phùng Thị Nguyên Trang	Em dâu
Võ Thị Kim Thủy	Em
Lê Hoài Lâm	Em rể
Nguyễn Thị Huyền	Thành viên HĐQT (đến ngày 8 tháng 4 năm 2022)
Nguyễn Nhân	Cha
Nguyễn Thị Hạp	Mẹ
Nguyễn Thị Hạp	Chị
Lê Hải Sâm	Anh rể
Nguyễn Thị Thùy	Chị
Lâm Vinh	Anh rể
Nguyễn Thị Uyên	Chị
Nguyễn Uy	Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan

Mối quan hệ

Trần Văn Dai

Thành viên HĐQT (từ ngày 8 tháng 4 năm 2022)

Nguyễn Thị Lâm

Vợ

Trần Nguyễn Ngọc Minh

Con

Trần Nguyễn Bảo Châu

Con

Trần Gia Vinh

Con

Nguyễn Khắc Sơn

Bố vợ

Đình Thị Thuật

Mẹ vợ

Nguyễn Việt Anh

Em vợ

Nguyễn Vũ Hải Yến

Em dâu

Trần Thị Gái

Em gái

Phan Tấn Hoàng

Em rể

Trần Văn Ân

Anh trai

Trương Thị Tuyết

Chị dâu

Trần Văn Nghị

Anh trai

Lê Thị Lợi

Chị dâu

Hồ Thị Kim Chi

Phó Tổng giám đốc

Hồ Đắc Tám

Cha

Phạm Thị Hải

Mẹ

Võ Hồ Lâm

Cha chồng

Võ Thị Thu Sương

Mẹ chồng

Võ Hồng Nhân

Chồng

Võ Vĩnh Khang

Con

Võ Hồ Khánh Linh

Con

Hồ Đắc Quang

Anh

Nguyễn Thị Yến

Chị dâu

Hồ Thị Liễu

Chị

Võ Văn Hội

Anh rể

Hồ Thị Phước

Chị

Phạm Bảo Quốc

Anh rể

Hồ Thị Tâm Hiền

Chị

Đỗ Trần Thùy Trang

Trưởng BKS

Đỗ Văn Diệp

Cha

Trần Thị Kim Dân

Mẹ

Đình Đức

Cha chồng

Đào Thị Yên

Mẹ chồng

Đình Công Tịnh

Chồng

Đình Đăng Khoa

Con

Đình Đăng Khôi

Con

Đỗ Trần Thùy Linh

Em

Nguyễn Văn Sơn

Em rể

Đỗ Trần Thùy Diễm

Em

Nguyễn Hương Giang

Em rể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Lê Hồng Phong	Thành viên BKS
Lê Hồng Thủy	Cha
Đỗ Thị Tuyết Nhung	Mẹ
Bùi Duy Tâm	Cha vợ
Hoàng Thị Na	Mẹ vợ
Bùi Thị Ngọc Anh	Vợ
Lê Hồng Ngọc	Con
Lê Phúc Bình	Con
Lê Hồng Anh	Anh
Phạm Ngọc Châu	Thành viên BKS
Phạm Văn Nết	Cha
Nguyễn Thị Cảnh	Mẹ
Nguyễn Duy Phương	Cha vợ
Nguyễn Thị Nở	Mẹ vợ
Nguyễn Thị Thu Lan	Vợ
Phạm Nhật Duy	Con
Phạm Phúc Duy	Con
Phạm Văn Hùng	Anh
Bùi Thị Băng Trinh	Chị dâu
Phạm Thị Như Hoa	Chị
Biện Văn Tuấn	Anh rể
Phạm Phương Thảo	Em
Đặng Thị Phi Yên	Em dâu
Phạm Phương Nam	Em
Nguyễn Thị Duyên	Em dâu
Lê Trương Y Trâm	Kế toán trưởng
Lê Văn Chương	Cha
Trương Thị Nga	Mẹ
Nguyễn Văn Chánh	Cha chồng
Nguyễn Thị Hiếu	Mẹ chồng
Nguyễn Văn Trung	Chồng
Nguyễn Lê Cẩm Hạ	Con
Lê Trương Xuân Vy	Em
Trần Anh Đức	Em rể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Đoàn Thị Mai Phương	Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty
Đoàn Văn Toán	Cha
Trần Thị Thanh Mai	Mẹ
Nguyễn Thành Kham	Cha chồng
Nguyễn Thị Hạnh	Mẹ chồng
Nguyễn Thành Long	Chồng
Nguyễn Bảo Ngọc	Con
Đoàn Quang Phú	Em
Hồ Thị Mỹ Loan	Thư ký Công ty
Hồ Vĩnh Thành	Cha
Trần thị Hồng	Mẹ
Chu thế Sử	Cha chồng
Lê Thị Hạnh	Mẹ chồng
Chu Thế Hiển	Chồng
Chu Ngọc Diễm Quỳnh	Con
Chu Minh Tuấn	Con
Hồ Thị Thảo Trang	Chị
Hồ Thị Thảo Ly	Chị
Hồ Thị Thảo Châu	Chị
Hồ Dũng Phong	Em
Hồ Hoàng Vĩnh	Anh
Trần Thị Huệ Oanh	Chị Dâu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ hiện hành và kỳ trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Mua khoản đầu tư	2.145.600.000	-
		Cho vay và mượn	712.232.000	161.506.120
		Lãi cho vay	132.939.781	158.257.041
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đồng Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	533.039.308	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	508.751.677	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	326.266.278	-
		Lãi cho vay	3.861.599	-
		Chi hộ	125.926	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Cho vay	427.365.650	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	66.039.317	-
		Lãi cho vay	33.971.362	-
		Lãi vay	15.083.333	-
Ông Nguyễn Kim Luân	Cổ đông	Nhận chuyển nhượng khoản đầu tư	226.480.000	-
		Cho vay	120.000.000	114.260.000
		Lãi cho vay	6.625.981	886.983
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Mua hàng hóa và dịch vụ	98.643.537	158.634.747
		Cho vay	20.300.000	1.088.916.833
		Lãi cho vay	11.106.272	26.390.498
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	8.616.449	65.489.853
		Lãi vay	6.577.262	-
		Chi hộ	3.822.075	4.964.875
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Má Nhựa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	18.526.373	25.621.170
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.292.555	232.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ hiện hành và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú Y Nasa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	17.870.492	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	15.342.506	-
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Cổ đông	Cho mượn Mượn tiền Lãi cho vay	15.000.000 14.136.164 11.505.567	- - -
Ông Lê Văn Thạch	Cổ đông	Cho vay Nhận chuyển nhượng cổ phần Lãi cho vay	15.000.000 11.920.000 6.251.112	- - 3.062.520
Ông Nguyễn Văn Quý	Cổ đông	Cho vay Lãi cho vay Mua hàng hóa và dịch vụ	15.000.000 494.795 143.000	- - -
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên HĐQT (tới ngày 8 tháng 4 năm 2022)	Cho vay Lãi cho vay	10.005.000 35.360	- -
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay Cho vay Lãi vay Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ	6.812.291 2.000.000 718.524 78.318 75.369	7.170.358 17.189.492 718.524 57.797 1.411.367
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay Chi hộ Cho vay và mượn Chi phí lãi HĐHTKD	1.874.921 66.571 - -	2.337.868 76.669 104.042.000 1.755.556
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con	Lãi cho vay Mượn tiền	1.701.400 915.000	- -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ hiện hành và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Công ty liên quan	Thuê văn phòng	303.542	359.673
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh chế biến hoa quả	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cung cấp dịch vụ	269.386	-
		Mua dịch vụ	49.814	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	228.985	-
		Chi phí lãi HĐHTKD	-	4.113
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	68.368	1.288.539
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.410.343
		Mua tài sản	-	597.096
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	72.142
Công ty TNHH Một Thành viên Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	1.272.136
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	39.333
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng giám đốc	Cho mượn	-	159.863

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)				
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	237.019.830	53.347.003
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	10.198.645	5.115.070
Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.265.606	2.265.606
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến hoa quả	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	534.752	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	241.529	449.761
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	35.866.935
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Cung cấp dịch vụ xây dựng Bán tài sản cố định	- - -	4.420.359 3.764.302 1.748.337
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	27.595.944
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	5.501.714
			250.260.362	140.075.031

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)				
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	117.441.225	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà Máy nhựa	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	7.476.860	10.673.489
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	247.218	247.218
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.652.520
			125.165.303	12.573.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8)				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	4,80 - 8,00	2.753.404.202	4.120.545.983
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	1.732.764.450	1.351.784.995
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	7,525 - 10,00	692.723.358	22.179.629
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	8,60 - 12,00	122.063.417	4.209.929
Ông Nguyễn Kim Luân	Cổ đông	8,60 - 10,00	78.580.000	251.431.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan	8,60	5.865.308	26.000
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Cổ đông	-	4.532.546	30.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Bờ Y	Công ty liên quan	-	200.000	-
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	6,15	-	500.000.000
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	10,00	-	102.165.041
Ông Lê Văn Thạch	Cổ đông	-	-	15.000.000
			5.390.133.281	6.397.342.577

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8)				
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Cổ đông	8,00 - 8,60	283.800.000	253.800.000
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	4,80	260.400.000	665.818.080
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	252.119.446	636.677.272
Ông Lê Văn Thạch	Cổ đông	4,80 - 8,60	156.900.000	126.900.000
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	4,80 - 10,00	146.794.000	213.020.219
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	108.020.402	105.918.838
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con	4,80 - 8,60	42.300.000	42.300.000
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	16.063.646	15.751.124
Ông Nguyễn Văn Quý	Cổ đông	8,60	15.000.000	-
Công ty Cổ Phần Gia Súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	7,575	-	178.816.833
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	8,60	-	124.747.486
			1.281.397.494	2.363.749.852

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 9 tháng 4 năm 2022, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định 71/2017/ND-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay	540.677.039	404.394.310
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	73.812.911	23.856.246
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Cho mượn	56.951.408	1.300.000
		Lãi cho vay	1.300.000	72.491
		Khác	22.000	22.000
Ông Nguyễn Kim Luân	Cổ đông	Lãi cho vay	10.484.030	4.427.049
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	3.861.599	-
		Cho mượn	458.125	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	22.421	10.812
		Cho mượn	-	7.486.903
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Lãi cho vay	-	26.200.685
		Cho mượn	-	10.699.989
		Khác	-	1.520.465
Các bên liên quan khác	Bên liên quan khác	Khác	470.785	614.990
			688.060.318	480.605.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu dài hạn khác (TM số 9)				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	HĐHTKD Lãi cho vay	440.000.000 20.037.006	440.000.000 23.379.954
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Lãi cho vay	32.473.840	50.880.235
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Cổ đông	Lãi cho vay	31.335.327	19.829.760
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	10.220.838	10.021.989
Ông Lê Văn Thạch	Cổ đông	Lãi cho vay	10.136.552	15.805.440
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con	Lãi cho vay	5.023.360	3.321.960
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	1.569.532	1.538.997
Ông Nguyễn Văn Quý	Cổ đông	Lãi cho vay	494.795	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	43.144.374
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Lãi cho vay	-	31.534.787
			551.291.250	639.457.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 18)				
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy nhựa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	23.271.285	23.380.474
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Mua hàng hóa và dịch vụ	13.084.500	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	5.999.198	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	3.488.930	1.883.340
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	3.057.106	9.257.375
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	610.890	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	189.800	-
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Mua hàng hóa và dịch vụ Mua tài sản cố định	- -	66.675.236 33.473.380
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	2.081.090
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh chế biến hoa quả	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.497.279
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	72.489	482.444
			49.774.198	138.730.618

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 19)				
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Ứng tiền mua hàng hóa	139.417.225	11.295.473
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng tiền mua hàng hóa	450	-
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Ứng tiền mua hàng hóa	-	302.565.957
			139.417.675	313.861.430
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 22)				
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Mượn tiền	10.415.275	10.415.275
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Khác	664.739	682.739
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con	Khác	468.697	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Mượn tiền	272.700	272.700
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Lãi phạt	-	6.739.726
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Khác	4.500	4.500
			11.825.911	18.114.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đang được hưởng tại Công ty trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Ngàn VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	1.479.370	1.264.836
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	1.260.987	1.054.339
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	902.799	718.530
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	756.829	617.977
Các cá nhân khác		1.423.351	1.212.135
TỔNG CỘNG		5.823.336	4.867.817

Ngoài ra, các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc còn được hưởng tại các công ty con trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Ngàn VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	94.500	81.000
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	42.300	40.500
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	31.500	27.000
TỔNG CỘNG		168.300	148.500

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác.

34. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn thuê các lô đất khác nhau tại Việt Nam và Lào để xây dựng nhà xưởng, cầu lạc bộ bóng đá, khách sạn, văn phòng, nuôi gia súc và trồng các loại cây ăn trái. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Dưới 1 năm	4.186.404	3.396.264
Từ 1 đến 5 năm	28.569.148	13.121.612
Trên 5 năm	99.054.864	100.473.334
TỔNG CỘNG	131.810.416	116.991.210

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Các cam kết bảo lãnh

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tập đoàn đang dùng các tài sản sau để đảm bảo cho các khoản vay của HNG và các công ty con của HNG. Chi tiết như sau:

- 64.375.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty;
- Quyền sử dụng và khai thác 453,65 ha (150 ha chanh dây, 229,25 ha bơ, 74,4 ha mít thái) đất thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng;
- Quyền khai thác và tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 71,4 ha tại Bản Houy Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng;
- Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 148 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay; và
- Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 147,7 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay.

Ngoài ra, theo Hợp đồng Tín dụng Số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng Tín dụng Số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thước ("Bá Thước") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hoá ("BIDV"), Công ty đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thước vay vốn tại BIDV theo Thư Bảo lãnh Vay vốn Số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Các loại ngoại tệ:		
- Đồng KIP Lào (LAK)	6.654.672.302	6.534.440.081
- Đô la Mỹ (USD)	550.069	602.669
- Đồng Euro (EUR)	185	190
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Công ty TNHH Một Thành viên Xây Lắp Điện	6.992.216	6.992.216
- Công ty TNHH Một Thành viên Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kontum	3.720.000	3.720.000

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu, theo đó:

- Doanh thu bộ phận bán hàng ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng, nếu doanh thu bán hàng ra bên ngoài của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng doanh thu trở lên của doanh nghiệp bán hàng ra bên ngoài;
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của toàn bộ các khu vực địa lý; và
- Tổng chi phí đã phát sinh trong năm để mua tài sản cố định - tài sản bộ phận dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một năm (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác) theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của các bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng chuồng trại; và
- Nông nghiệp: trồng và thu hoạch cây ăn quả, chăn nuôi heo, bò.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn và bóng đá đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong năm vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	<i>Ngân VND</i>			
	<i>Thương mại và dịch vụ</i>	<i>Nông nghiệp</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	235.963.003	574.142.965	-	810.105.968
Giữa các bộ phận	468.420.482	258.636.833	(727.057.315)	-
Tổng cộng	704.383.485	832.779.798	(727.057.315)	810.105.968
Kết quả của bộ phận	18.835.806	89.450.506	-	108.286.312
Chi phí không phân bổ				(407.042.045)
Lỗ trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính				(298.755.733)
Thu nhập tài chính				476.159.732
Chi phí tài chính				(386.241.546)
Lỗ từ công ty liên kết				(5.819.760)
Lỗ trước thuế				(214.657.307)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(319.480)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				223.287.037
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ				8.310.250
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	1.379.555.497	16.981.831.457	-	18.361.386.954
Tiền				78.298.037
Tổng tài sản				18.439.684.991
Nợ phải trả của bộ phận	(169.209.645)	(13.086.630.775)	-	(13.255.840.420)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(510.611.231)		(510.611.231)
Tổng nợ phải trả				(13.766.451.651)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	<i>Ngân VND</i>			
	<i>Thương mại và dịch vụ</i>	<i>Nông nghiệp</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	540.781.638	1.489.261.666	-	2.030.043.304
Giữa các bộ phận	662.516.353	275.537.767	(938.054.120)	-
Tổng cộng	1.203.297.991	1.764.799.433	(938.054.120)	2.030.043.304
Kết quả của bộ phận	33.543.960	431.918.600		465.462.560
Chi phí không phân bổ				772.284.383
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính				1.237.746.943
Thu nhập tài chính				287.796.265
Chi phí tài chính				(1.061.789.304)
Lợi nhuận trước thuế				463.753.904
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(1.562.650)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				60.650.477
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ				522.841.731
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	8.807.141.605	10.344.340.611	-	19.151.482.216
Tiền				117.689.314
Tổng tài sản				19.269.171.530
Nợ phải trả của bộ phận	(7.959.154.130)	(6.225.369.590)	-	(14.184.523.720)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(453.465.659)		(453.465.659)
Tổng nợ phải trả				(14.637.989.379)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

	<i>Việt Nam</i>	<i>Lào</i>	<i>Khác</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021				
<i>Doanh thu</i>				
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	523.364.510	191.504.928	95.236.530	810.105.968
Chi phí hình thành tài sản cố định	317.195.129	84.351.166	-	401.546.295
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021				
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>				
Tài sản bộ phận	14.380.934.619	3.980.452.335	-	18.361.386.954
Tiền				78.298.037
Tổng tài sản				<u>18.439.684.991</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022				
<i>Doanh thu</i>				
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.500.021.977	316.112.900	213.908.427	2.030.043.304
Chi phí hình thành tài sản cố định	129.315.026	142.195.889	-	271.510.915
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022				
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>				
Tài sản bộ phận	16.386.067.123	2.765.415.093	-	19.151.482.216
Tiền				117.689.314
Tổng tài sản				<u>19.269.171.530</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

37. ĐẠI DỊCH COVID-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Tập đoàn đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

 <hr style="width: 80%; margin: 0 auto;"/> <p>Trần Thị Thanh Hiếu Người lập Ngày 26 tháng 8 năm 2022</p>	 <hr style="width: 80%; margin: 0 auto;"/> <p>Lê Trương Y Trâm Kế toán trưởng</p>	 <hr style="width: 80%; margin: 0 auto;"/> <p>Võ Trương Sơn Tổng Giám đốc</p>
--	--	---